

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI



EVNTPC PHA LAI

Địa chỉ: phường Phả Lại – thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203 881 126

Fax: 03203 881 388

Webside: www.ppc.evn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Hải Dương, tháng 4 năm 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
NĂM 2016**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**
- Tên giao dịch quốc tế: **Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ: **3.262.350.000.000 VND**
- Địa chỉ: phường Phả Lại - thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 03203 881 126; Fax: 03203 881 338
- Website: <http://www.ppc.evn.vn>
- Mã cổ phiếu: **PPC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 ĐL/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công Nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006; đăng ký thay đổi lần 6: ngày 10 tháng 05 năm 2013.

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng

| Năm | Sự kiện kiện |
|------------|---|
| 1982 | Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I. |
| 1983 | Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành |
| 1984 | Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành |
| 1985 | Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành |
| 1986 | Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành |
| 1995 | Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam |
| 2001 | Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành |
| 2002 | Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành |
| 2005 | Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại |
| 2005 | Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. |
| 26/1/2006 | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. |
| 13/3/2006 | Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ trương bán tiếp cổ phần Nhà nước. |
| 15/5/2006 | Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. |
| 19/5/2006 | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội |
| 8/1/2007 | TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh. |
| 17/01/2007 | UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh. |
| 26/01/2007 | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh. |

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;

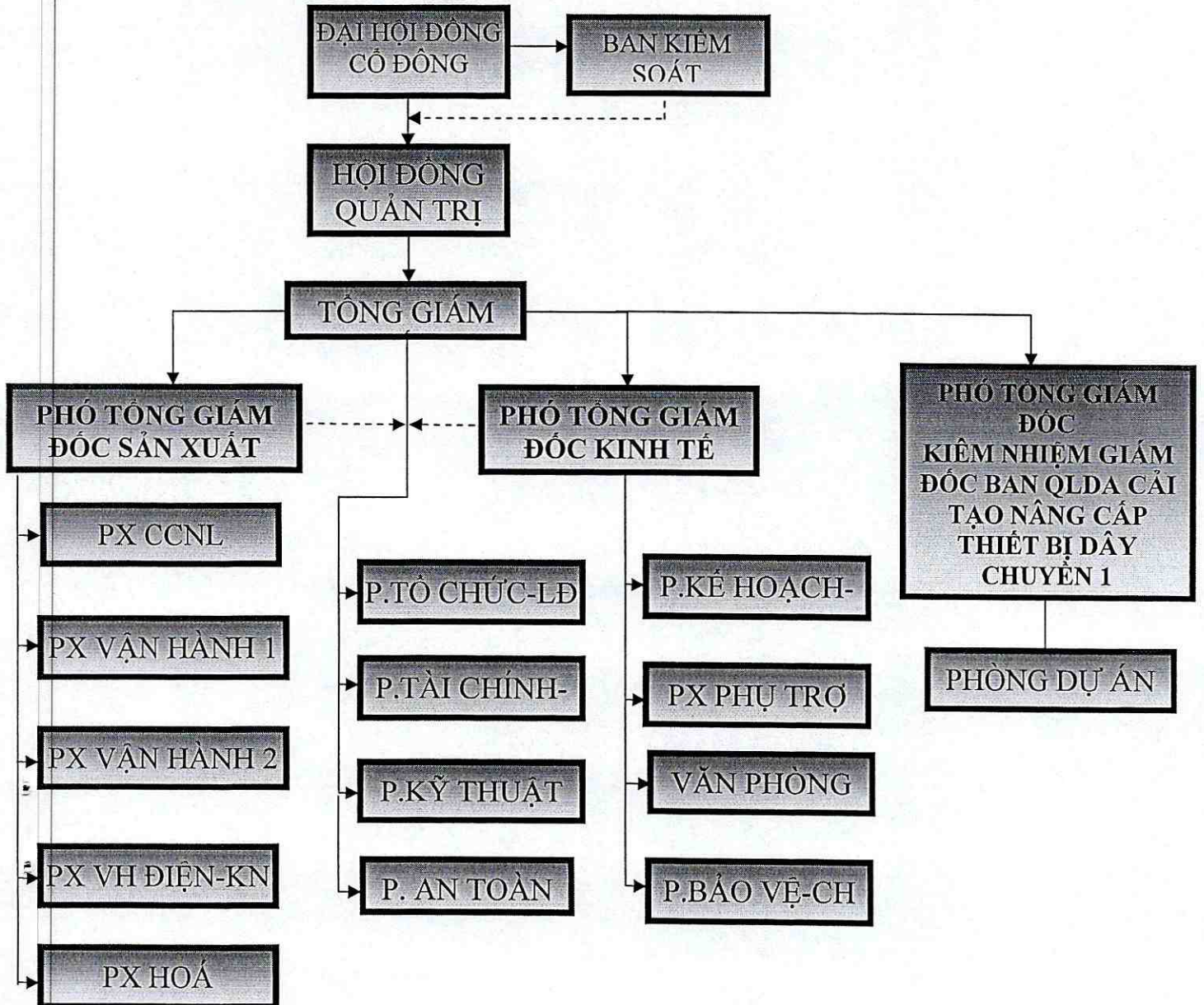
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ, nhiệt điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3 Các công ty con, Công ty liên kết

- Công ty con: Công ty cổ phần dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (NPS)

+ Địa chỉ: Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

+ Vốn thực góp: 27.476.250.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc: 50%

Ngày 17/2/2017, PPC đã thoái thành công toàn bộ số cổ phiếu nắm giữ tại NPS. Và từ năm 2017 NPS không là công ty con của PPC.

- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

+ Địa chỉ: Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

+ Vốn thực góp: 1.451.055.770.150 VND

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 25,97%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 5,9 tỷ kWh trở lên;

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;

- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công thương;

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và Cộng đồng của Công ty:

- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành Công ty đã đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2016 đảm bảo sản xuất điện an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả cao. Năm 2016 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm, sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu tác động mạnh tới kinh tế thế giới và gây áp lực đến tình hình sản xuất trong nước. Trong bối cảnh như vậy, ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp và nhiệm vụ cụ thể, trong đó trọng tâm là thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, vì vậy Năm 2016, Công ty sản xuất được 5,25 tỷ kWh đạt 88,62 % so với kế

hoạch năm. Tỷ giá giữa JPY/VNĐ tăng làm ảnh hưởng lớn, làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2015 (tỷ đồng) | Kế hoạch năm 2016 (tỷ đồng) | Năm 2016 (tỷ đồng) | So sánh với năm 2015 % | So sánh với kế hoạch năm 2016 % |
|-----|--|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------------|---|
| 1. | Sản lượng điện sản xuất (kWh) | 6.298,25 | 5.920,17 | 5.246,34 | 83,30 | 88,62 |
| 2. | Lợi nhuận gộp về bán hàng | 963,62 | 258,78 | 503,81 | 52,28 | 194,69 |
| 3. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính | (269,40) | 365,47 | 282,87 | (105,00) | 77,40 |
| 4. | Lợi nhuận trước thuế | 604,49 | 660,56 | 615,98 | 101,90 | 93,25 |

(Nguồn BCTC hợp nhất PPC đã kiểm toán năm 2016 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2016)

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

1. Ông Phạm Kim Lâm - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Phạm Văn Thư - Tổng Giám đốc;
3. Ông Nguyễn Văn Quyên - Phó Tổng Giám đốc;
4. Ông Nguyễn Văn Thủy - Phó Tổng Giám đốc;
5. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc.

| | | |
|----------|----------------------------------|--|
| 1 | Ông Phạm Kim Lâm | |
| ❖ | Chức danh | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| ❖ | Giới tính | Nam |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 26/12/1958 |
| ❖ | Nơi sinh | Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương |
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 10/10 |
| ❖ | Số CMND | 141786765 cấp ngày 05/01/2006 tại Hải Dương |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Cử nhân Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị. |
| ❖ | Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| ❖ | Quá trình công tác: | |
| | 05/1984 - 08/1993 | Chuyên viên kế toán tổng hợp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại |

| | | |
|----------|--|--|
| | 09/1993 - 8/2004 | Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tài vụ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại |
| | 9/2004 - 4/2008 | Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phả Lại (Từ tháng 01/2006 là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) |
| | 17/4/2008 - 7/12/2012 | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| | 8/12/2012 đến tháng 4/2013 | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty |
| | 05/2013 đến nay | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ | |
| | - Số cổ phần cá nhân sở hữu | 105.840 cổ phần |
| | - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước | Đại diện 40% Phần vốn NN của Tổng Công ty Phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 66.556.758 CP. |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| 2 | Ông Phạm Văn Thư | Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Chức vụ hiện tại | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. |
| ❖ | Giới tính | Nam |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 07/08/1959 |
| ❖ | Nơi sinh | Xã Việt Tiến, Huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Hải Dương |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 10/10 |
| ❖ | Số CMND | 141403938 cấp ngày 13/01/2006 tại Hải Dương |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân chính trị. |
| ❖ | Quá trình công tác: | |
| | - Từ 11/1977 - 08/1982: | Công nhân sửa chữa lò hơi nhà máy điện Việt Trì - Vĩnh Phúc |
| | - Từ 09/1982 - 08/1986 | Công nhân sửa chữa lò - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 09/1986 - 05/1990 | Học trường Đại học công nghiệp Thái |

| | | |
|----------|---|--|
| | | Nguyên |
| | - Từ 06/1990 - 07/1992: | Kỹ thuật viên phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 08/1992 - 06/2000 | Phó quản đốc phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 07/2000 - 12/2005 | Quản đốc phân xưởng Đại tu cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 01/2006 - 06/2007 | Quản đốc phân xưởng Sửa chữa cơ nhiệt - Công ty CP nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 07/2007 - 11/2011 | Phó Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc |
| | - Từ 12/2011 - 04/2013 | Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc |
| | - Từ 05/2013 đến nay | Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ: | |
| | - Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ | 90.050 CP |
| | - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước | Đại diện 30% Phần vốn NN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP. |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Quyên | |
| ❖ | Chức vụ hiện tại | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Giới tính | Nam |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 10 tháng 03 năm 1960 |
| ❖ | Nơi sinh | Thuy Phong, Thái thuy, Thái bình |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | Nhà 44/77 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng Hà Nội |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 10/10 |
| ❖ | Số CMND | Chứng Minh thư số 013286129 cấp ngày 17 tháng 04 năm 2010 do công an Hà Nội cấp |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Thạc Sỹ QTKD |
| ❖ | Quá trình công tác: | |

| | |
|-----------------------------------|--|
| - Từ 1984 – 1988 | Nhân viên phòng kế hoạch vật tư – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại |
| - Từ 1988 – 1990 | Nhân viên phòng vật tư sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại |
| - Từ 1990 – 1992 | Học lớp bồi dưỡng kế toán cho kỹ sư học tại trường bồi dưỡng Cán bộ Thanh Xuân Hà Nội |
| - Từ 1990 – 1996 | Nhân viên phòng Tài vụ sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại |
| - Từ 1996 – 10/1997 | Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 |
| - Từ 10/1997 – 6/2002 | Phó phòng TCKT Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 |
| - Từ 7/2002- 11/2002 | Phó phòng kế hoạch Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 |
| - Từ 11/2002 – 6/2013 | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng. Năm 2009 đến 2010 học thạc sỹ QTKD |
| - Từ 6/2012 – 11/2013 | Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng |
| - Từ 11/2013 – 7/2015 | Ủy viên HĐQT kiêm phó tổng Giám đốc kinh tế Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng |
| - Từ 7/2015 đến nay | Phó Tổng giám đốc kinh tế Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại, kiêm ủy viên HĐQT Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng |
| ❖ Số cổ phần nắm giữ | Không |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| 5 Ông Nguyễn Văn Thủy | |
| ❖ Chức vụ hiện tại | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ Giới tính | Nam |
| ❖ Ngày tháng năm sinh | 26/6/1963 |
| ❖ Nơi sinh | Xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, T.Bắc Ninh |
| ❖ Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ Dân tộc | Kinh |
| ❖ Địa chỉ thường trú | Phường Phả Lại, TX Chí Linh, Hải Dương |
| ❖ Trình độ văn hoá | 10/10 |
| ❖ Số CMND | 142469226 cấp ngày 12/01/2006 tại CA Hải Dương |
| ❖ Trình độ đào tạo | Kỹ sư Tự động hóa. Cao cấp lý luận chính trị |

| | | |
|----------|---------------------------------|---|
| ❖ | Quá trình công tác: | |
| | 4/1987 - 3/1992 | Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại. |
| | 4/1992 - 01/1995 | Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Đại tu điện kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại |
| | 02/1995 - 6/1999 | Trưởng ca sản xuất NM Nhiệt điện Phả Lại |
| | 7/1999 - 10/2001 | Quản đốc phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại |
| | 11/2001 - 01/2006 | Quản đốc phân xưởng Sửa chữa tự động - điều khiển NM Nhiệt điện Phả Lại |
| | 02/2006 - 8/2010 | Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| | 9/2010 - 06/2012 | Quản đốc phân xưởng Vận hành 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| | 07/2012 đến nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ | 15 CP |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Tuấn | |
| ❖ | Chức vụ hiện tại | - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. - Kiêm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1. |
| ❖ | Giới tính | Nam |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 18/8/1961 |
| ❖ | Nơi sinh | Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 10/10 |
| ❖ | Số CMND | 142464379 |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Thạc sỹ QTKD; kỹ sư hệ thống điện |
| ❖ | Quá trình công tác: | |
| ❖ | Từ 10/1982 - 03/1999 | Kỹ thuật viên vận hành lò nhà máy điện Phả Lại |
| ❖ | Từ 04/1999 - 04/2000 | Kỹ thuật viên Tổ CBSX Ban QLDA Phả Lại |
| ❖ | Từ 05/2000 - 03/2003 | Phó quản đốc PX vận hành nhà máy điện Phả Lại |
| ❖ | Từ 04/2003 - 05/2005 | Quản đốc PX vận hành 2 nhà máy nhiệt điện |

| | | |
|---|---------------------------------|---|
| | | Phả Lại |
| ❖ | Từ 05/2005 – 08/2010 | Quản đốc PX vận hành 2 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Từ 09/2010 – 06/2015 | Trưởng phòng Tổ chức Lao động Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Từ 07/2015 đến nay | - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. - Kiêm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1. |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ | 75810 |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2016

Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

| Số TT | ĐƠN VỊ | LAO ĐỘNG (NGƯỜI) | | | |
|----------|------------------------|------------------|------------------|------------------|---------------|
| | | Số LĐ đầu kỳ | | | Số LĐ cuối kỳ |
| | | Tổng | LĐ tăng trong kỳ | LĐ giảm trong kỳ | Tổng |
| A | SẢN XUẤT ĐIỆN | | | | |
| 1 | Viên chức quản lý | 6 | 1 | | 7 |
| 2 | Đoàn thể | 4 | 2 | 3 | 3 |
| 3 | Văn phòng | 132 | 57 | 59 | 130 |
| 4 | Tổ chức - Lao động | 10 | 1 | 2 | 9 |
| 5 | Tài chính - Kế toán | 10 | 1 | 3 | 8 |
| 6 | Kế hoạch - Vật tư | 61 | 19 | 21 | 59 |
| 7 | Bảo vệ - Cứu hỏa | 68 | | 4 | 64 |
| 8 | Kỹ thuật | 35 | | 1 | 34 |
| 9 | An toàn | 5 | | | 5 |
| 10 | PX Vận hành 1 | 246 | 37 | 62 | 221 |
| 11 | PX Vận hành 2 | 319 | 20 | 25 | 314 |
| 12 | PX Vận hành điện - KN | 110 | 11 | 20 | 101 |
| 13 | PX Cung cấp nhiên liệu | 220 | 56 | 66 | 210 |
| 14 | PX Hóa | 64 | 7 | 12 | 59 |
| 15 | PX Phụ trợ | 16 | 4 | 4 | 16 |
| 16 | Ban quản lý dự án | 2 | 8 | 2 | 8 |
| | Cộng: | 1308 | 224 | 284 | 1248 |
| B | SẢN XUẤT KHÁC | 20 | 2 | 4 | 18 |
| | Tổng cộng: | 1328 | 226 | 288 | 1266 |

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách tiền lương:

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-EVN ngày 09/12/2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty đã xây dựng và ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng đối với CBCNV Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Công ty có Quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo việc trả lương cho NLD công bằng theo mức độ đóng góp của cá nhân, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty giữ được sự ổn định so với năm trước.

b) Quản trị nguồn nhân lực :

Công ty luôn chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ chủ chốt; Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi NLD về hưu hoặc chuyển công tác; Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; đào tạo đại học và sau đại học.

c) Chính sách khác: Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao...

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi NLD được hưởng cao hơn so với luật như:

+ Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;

+ NLD đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nếu có nguyện vọng sẽ được Công ty xem xét tuyển dụng con (con đẻ, con nuôi hợp pháp) vào làm việc khi có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển dụng của Công ty;

+ Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất, thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch trong và ngoài nước;

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. NLD được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ tết; được nghỉ không phải làm việc hưởng nguyên các chế độ 03 tháng trước khi về hưu.

+ Người lao động được Công ty mua bảo hiểm tai nạn con người, được trợ cấp thêm tối thiểu 20.000.000 đồng nếu không may bị chết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình đầu tư tài chính, góp vốn vào doanh nghiệp khác tại thời điểm 31/12/2016 như sau :

Năm 2016, Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là 531,25 tỷ đồng. Doanh thu từ lãi tiền gửi, tiền cho vay ... đạt 396,96 tỷ đồng, cổ tức lợi nhuận được chia 129,85 tỷ đồng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là 4,44 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Công ty chịu khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện là 0,2 tỷ đồng và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại nợ vay cuối kỳ là 206,53 tỷ đồng.

3.2. Đến 31/12/2016, tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là: 2.110 tỷ đồng và các khoản tương đương tiền là: 740 tỷ đồng. Bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn từ 12 tháng trở xuống

3.3. Các khoản EVN và GENCO 2 huy động vốn

+ Tại ngày 31/12/2016, tổng số tiền Công ty cho EVN huy vốn để thực hiện đầu tư các dự án ngành điện là 1.815 tỷ đồng. Trong đó 1.500 tỷ đến hạn năm 2019 mỗi năm EVN trả PPC 500 tỷ; và 315 tỷ đến hạn năm 2025, mỗi năm EVN trả PPC 35 tỷ. Năm 2016 công ty đã nhận được tiền lãi bằng tiền từ khoản huy động vốn này là 182,56 tỷ đồng.

+ Tại ngày 31/12/2016, tổng số tiền Công ty cho GENCO 2 huy vốn để thực hiện đầu tư các dự án đầu tư là 946,77 tỷ đồng. Trong năm 2016 công ty đã nhận được tiền lãi bằng tiền từ khoản huy động vốn này là 68,07 tỷ đồng.

3.4. Đầu tư các dự án điện

Đến 31/12/2016 Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện đầu tư các dự án điện 2.563,37 tỷ đồng Trong đó:

- Góp vốn vào công ty con:

Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc với tổng giá trị 27,47 tỷ đồng tương đương với 2.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 50% vốn điều lệ. Năm 2016 Công ty đã nhận được cổ tức là 3,75 tỷ đồng. Thực hiện sự chỉ đạo của Tổng công ty phát điện 2, PPC đã thoái toàn bộ số vốn trên. Ngày 17/2/2017, PPC đã thoái thành công toàn bộ số cổ phiếu nắm giữ tại NPS với giá bán bình quân là 24.000 đồng/cổ phần và số tiền lợi tức thu về từ thoái vốn này là: 32,22 tỷ đồng.

- Góp vốn vào công ty liên kết:

Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng với tổng số tiền là: 1.451,05 tỷ đồng, tương đương với 129.850.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 25,97% vốn điều lệ. Năm 2016, Công ty đã nhận tiền cổ tức năm 2015 là 7% và nhận tiền tạm ứng cổ tức năm 2016 là 2% với tổng số tiền là 116,86 tỷ đồng.

- Đầu tư các dự án điện khác:

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh từ năm 2009 đến năm 2013 với tổng số tiền là: 817,29 tỷ đồng tương đương với 73.587.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 16,35 % vốn điều lệ; Bên cạnh đó năm 2016 hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhiệt điện Quảng Ninh có lãi 365,81 tỷ đồng. Theo đó PPC đã hoàn nhập dự phòng đầu tư của khoản này với tổng số tiền là: 85,48 tỷ đồng

+ Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế từ năm 2010 đến nay thực hiện được 30% giá trị hợp đồng góp vốn với tổng số tiền là: 70,8 tỷ đồng tương đương với 7.080.000 cổ phần. Do dự án triển khai không đúng tiến độ nên Công ty

không thực hiện góp tiếp phần còn lại của hợp đồng. Do dự án chưa đi vào hoạt động vì vậy khoản đầu tư này chưa đem lại hiệu quả.

+ Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với tổng số tiền góp vốn là: 50,25 tỷ đồng tương đương với 5.025.000 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 15% vốn điều lệ. Năm 2016, Công ty đã nhận cổ tức bằng tiền của năm 2015 là 3,26 tỷ đồng (tỷ lệ 6%).

+ Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam với tổng giá trị góp vốn là 100 tỷ đồng. Cùng với cổ phiếu thưởng, số lượng cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2016 là 10.876.594 cổ phần. Năm 2016 Công ty đã nhận được cổ tức bằng tiền của năm 2015 là: 5,3 tỷ đồng với tỷ lệ là 5%.

+ Năm 2007, Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) với tổng số cổ phiếu là 670.000 cổ phiếu tương đương 46,498 tỷ đồng. Công ty đã nhận cổ tức bằng tiền năm 2015: 0,67 tỷ đồng với tỷ lệ là 10%.

3.5. Các khoản đầu tư khác

+ Ngày 19/5/2016, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam mua lại Trái phiếu BIDV. Do vậy đến 31/12/2016, PPC không còn sở hữu trái phiếu này nữa.

+ Số dư khoản Ủy thác quản lý vốn tại Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt (BVPMC) tại ngày 31/12/2015 là: 14,35 tỷ. Và tại thời điểm 31/12/2016, PPC đã chuyển sang công nợ phải thu. Do hợp đồng UTQLV đã hết hạn từ 6/12/2015 nhưng BVPMC không thực hiện hoàn trả tiền cho PPC. Tháng 4/2016, PPC chuyển khoản đầu tư này sang khoản phải thu và thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định. Tháng 7/2016 PPC cùng đơn vị Tư vấn luật khởi kiện BVPMC ra tòa. Đến tháng 1/2017, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã thụ lý hồ sơ khởi kiện.

4. Tình Hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm 2016/2015 |
|-----|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|
| 1. | Tổng giá trị tài sản | 11.069,27 | 10.587,66 | 95,65 |
| 2. | Doanh thu thuần | 7.664,95 | 5.977,372 | 77,98 |
| 3. | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 585,01 | 617,53 | 105,56 |
| 4. | Lợi nhuận khác | 19,48 | (1,55) | (7,96) |
| 5. | Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết | 114,68 | 64,44 | 56,19 |
| 6. | Lợi nhuận trước thuế | 604,49 | 615,98 | 101,90 |
| 7. | Lợi nhuận sau thuế | 565,77 | 554,35 | 97,98 |
| 8. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.762 | 1.724 | 97,84 |

(Nguồn BCTC hợp nhất PPC đã kiểm toán năm 2016)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|----------|----------|---------|
| 1. | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |

| | | | | |
|----|--|-------|-------|--|
| | + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ (TSNH)/Nợ ngắn hạn | 4,53 | 3,94 | |
| | + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 4,03 | 3,59 | |
| 2. | <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| | + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,48 | 0,51 | |
| | + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,93 | 1,04 | |
| 3. | <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| | + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân | 10,15 | 9,00 | |
| | + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,69 | 0,56 | |
| 4. | <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,07 | 0,093 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,10 | 0,11 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,05 | 0,052 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,06 | 0,10 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/3/2017 (Theo danh sách chốt cổ đông ngày 28/3/2017- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017)

| TT | Nội dung | Số nhà đầu tư | Số CP nắm giữ | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------|---------------|--------------------|---------------|-------------|
| I | Phân loại theo tỷ lệ sở hữu | 7.687 | 326.235.000 | 100,00 | |
| I.1 | Cổ đông lớn ($\geq 5\%$) | 3 | 270.143.606 | 82,8% | Genco 2 REE |
| I.2 | Cổ đông nhỏ ($< 5\%$) | 7.684 | 56.091.394 | 17,2% | |
| II | Phân loại theo chủ thể sở hữu | | | | |
| II.1 | Cá nhân | 7.552 | 15.444.197 | 4,7% | |

| | | | | | |
|------|------------------|-------|-------------|-------|--|
| II.2 | Tổ chức | 135 | 310.790.803 | 95,3% | |
| II.3 | Trong nước | 6.988 | 272.333.963 | 83,5% | |
| II.4 | Nước ngoài | 699 | 53.901.037 | 16,5% | |
| II.5 | Cổ đông nhà nước | 1 | 166.391.896 | 51% | |
| II.6 | Cổ đông khác | 8.606 | 159.843.104 | 49% | |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không*

e) Các chứng khoán khác: *Không*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016: Sản lượng điện sản xuất đạt: 5,25 tỷ kWh, đạt 83,30 % so với năm 2015;

Tại Công ty mẹ tổng doanh thu: 6.400,24 tỷ đồng đạt 90,93% so với kế hoạch (7.038,69 tr đồng); Tổng chi phí: 5.742,72 tỷ đồng bằng 89,53 % kế hoạch (6.414,44 tỷ đồng); Tổng lợi nhuận trước thuế: 657,52 tỷ đồng, đạt 105,33% kế hoạch (624,24 tỷ đồng).

Năm 2016, lợi nhuận trước thuế tăng so với kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra và so với năm 2015 tuy nhiên lợi nhuận từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thấp hơn so với năm 2015, một số nguyên nhân chính:

- Năm 2016, giá thị trường thấp việc tham gia thị trường khó khăn, vì vậy sản lượng điện sản xuất của Công ty thấp hơn so với kế hoạch và năm 2015;

- Sản lượng điện hợp đồng được giao thấp, giá bán điện bình quân chỉ đạt 1.231,34 đồng/kWh bằng 93,71% so với giá điện bình quân năm 2015, từ đó kéo doanh thu từ hoạt động sản xuất điện năm 2016 xuống thấp.

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính khởi sắc:

Do tỷ giá giữa JPY với VNĐ tăng 3% so với đầu năm 2016, chi phí chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm 2016 là 206,53 tỷ đồng.

Công ty tích cực tìm kiếm các giải pháp về tài chính, tìm các ngân hàng có lãi suất huy động tốt hơn để cải thiện doanh thu. Doanh thu tiền lãi tiền gửi năm 2016 đạt 397 tỷ đồng cao hơn 63 tỷ đồng so với năm 2015 (334 tỷ đồng).

Đồng thời, doanh thu từ cổ tức cũng được cải thiện: từ 90,02 tỷ đồng năm 2015 lên 103 tỷ đồng năm 2016.

Bên cạnh những mặt tồn tại, năm 2015 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã có những tiến bộ sau:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn phù hợp với yêu cầu sản xuất-kinh doanh, gọn nhẹ và năng động hơn. Nhiệm vụ SXKD chủ yếu hiện nay là chuyên quản lý vận hành sản xuất điện.

+ Dân hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 phiên bản 2010 vì vậy công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nề nếp và có hiệu quả hơn.

+ Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

- Các biện pháp kiểm soát:

+ Duy trì công tác đánh giá nội bộ việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008;

+ Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

+ Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2016 tài sản của công ty có sự biến động cụ thể tổng tài sản đầu năm là 11.069,27 tỷ đồng cuối năm là 10.587,66 tỷ đồng giảm 481,61 tỷ đồng. Việc tài sản giảm do một số tài sản đã hết khấu hao, do cũ, lạc hậu nên thanh lý, việc giảm chi phí khấu hao tài sản làm cho chí phí trong năm giảm do vậy ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong năm.

b) Tình hình nợ phải trả

Đối với Công ty, nợ phải trả có ảnh hưởng và chịu tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó chính là khoản vay JPY. Đây là khoản vay do Tập đoàn điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26/01/2006. Đến thời điểm 31/12/2016 Công ty còn nợ là: 21,35 tỷ JPY.

Mặc dù được vay với lãi suất thấp (lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5%/năm, phí cho vay lại của EVN là 0,2%/năm) nhưng những biến động của tỷ giá là khó kiểm soát, tạo khó khăn cho Công ty trong kế hoạch cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tỷ giá này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2016, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của

Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện; Góp vốn xây dựng các nhà máy điện, đầu tư tài chính,... mang lại hiệu quả cao.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên liệu sử dụng trong năm

Tổng lượng than sử dụng để sản xuất điện là: 2,75 triệu tấn.

Tổng lượng dầu sử dụng để sản xuất điện là: 7,11 nghìn tấn.

b) Tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Năm 2016, Sản lượng điện tự dùng là: 498,57 triệu kWh, tương đương: 1.794.852 tỷ kJ

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Sông Lục đầu Giang

- Lượng nước trong sử dụng: 1.096.452 m³, trong đó:

+ Nước phục vụ khử khoáng: 682.478 m³

+ Nước trong phục vụ: 413.974 m³

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tỷ lệ tổng lượng nước tái chế: 59,75 %.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Lao động bình quân năm 2016 là 1296 người, mức tiền lương bình quân 14,6 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân của người lao động là 15,7 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty kết hợp với Công đoàn luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của NLĐ. Hằng năm, công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ, đặc biệt đối với công nhân làm công việc nặng nhọc độc hại được khám 2 lần trong năm.

Công ty thực hiện việc bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật hàng tháng cho NLĐ làm công việc nặng nhọc độc hại. Năm 2016, công ty đã thực hiện bồi dưỡng độc hại hơn 900 lao động, với số tiền tương ứng 3,072 tỷ đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

1. Đào tạo sau Đại học:

- Giải quyết cho 02 cán bộ (Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh – PTCKT và ông Nguyễn Thanh Hưng - PKT) tiếp tục tham gia khóa thạc sỹ tại Đại học Điện lực;

* Thời gian học: Các ngày thứ bảy và chủ nhật hàng tuần

- Năm 2016 Công ty cử thêm 02 cán bộ diện Quy hoạch (Ông Lưu Xuân Trang - PKHVT và Ông Đặng Kiên Quyết – PX VH2) tham gia khóa đào tạo thạc sỹ.

* Thời gian học: Các ngày thứ bảy và chủ nhật hàng tuần

- Giải quyết cho 02 cán bộ tiếp tục học lớp Cao cấp lý luận Chính trị:

* Thời gian học: Mỗi tháng học từ 7-10 ngày.

2. Đào tạo đại học (*cá nhân tự túc kinh phí*): 17 CNKT đã hoàn thành khóa học trình độ đại học (cử nhân).

3. Tổ chức các khóa bồi huấn thường xuyên nhằm nâng cao cho 870 công nhân kỹ thuật.

Thời gian thực hiện: Vào các ngày H hàng tháng.

4. Phổ biến kiến thức pháp luật, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho 1100 lượt người.

Thời gian thực hiện: Vào các ngày H hàng tháng.

5. Công ty đã đào tạo được 185 lượt chức danh cho lực lượng vận hành và công việc khác;

Thời gian thực hiện: Vào các ngày H hàng tháng và trong ca sản xuất.

6. Tổ chức kèm cặp và tổ chức thi nâng bậc cho 86 công nhân kỹ thuật;

7. Cử cán bộ công nhân viên tham gia đào tạo, tập huấn, hội thảo:

Năm 2016 Công ty đã cử tổng cộng 774 lượt CBCNV tham gia 33 khóa tập huấn, đào tạo, hội thảo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Công ty đã mời các đơn vị chức năng về Công ty tổ chức khóa tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho CBCNV trong Công ty, cụ thể như sau:

* Mời Thị đội về tổ chức khóa bồi huấn kiến thức công tác Quốc phòng – An ninh cho 84 CBCNV là Đảng viên của Công ty;

* Mời Công ty TNHH Chứng nhận NQA Việt Nam Tổ chức khóa đào tạo ISO 9001 :2015 & ISO 14001:2015 cho 115 lượt CBCNV;

* Mời Sở Công thương tỉnh Hải Dương về tổ chức khóa Kỹ thuật an toàn hóa chất cho 115 CBCNV.

- Ngoài ra Công ty còn cử trên 400 lượt CBCNV tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, Hội nghị, Hội thảo khác.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2016, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tích cực tham gia công tác xã hội, cụ thể những hoạt động xã hội chính trong năm 2016 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện:

Tổ chức Tết vì người nghèo cho 300 gia đình, chiến sĩ biên giới Hà Giang; Ủng hộ xây dựng nhà văn hóa đa năng huyện đảo Trường Sa; Ủng hộ quỹ tháng cao điểm vì người nghèo, đồng bào bão lụt tỉnh Hải Dương; Ủng hộ quỹ đồng bào Miền Trung bị bão lũ... Ngoài ra, Trong năm 2016 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại còn tổ chức nhiều hoạt động xã hội khác như Tổ chức điều dưỡng cho người lao động, trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng khó khăn trong địa bàn tỉnh Hải Dương; phụng dưỡng mẹ VNAH ; Tết cho người nghèo trong tỉnh, thị xã và phường Phả Lại; ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam; Xây nhà tình nghĩa; Tặng quà cho thương binh, gia đình liệt sĩ Với tổng kinh phí ước tính trên 5 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2015 như sau:

- Công tác điều hành năng động, các mặt quản lý được nâng cao, an ninh được giữ vững; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

- Năm 2016 Công tác trung tu theo kế hoạch được thực hiện đảm bảo an toàn, chất lượng và vượt tiến độ đề ra, đảm bảo các tổ máy luôn vận hành theo phương thức huy động công suất của trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Công tác đầu tư tài chính linh hoạt, cố gắng nhiều tuy nhiên rủi ro từ các khoản vay chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Yên Nhật Bản.

- Lưu ý giám sát trong công tác quản lý mua sắm vật tư thiết bị, tránh để tình trạng làm gia tăng giá trị của kho.

- Lưu ý việc khai thác các sản phẩm phụ (tro xỉ, thạch cao) đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Ban điều hành cần chủ động trong thời gian tới về vấn đề nâng cấp dự án cải tạo dây chuyền 1 .

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Công ty, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy, mặc dù trong điều kiện gặp nhiều khó khăn xong các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vẫn được hoàn thành ở mức khá tốt tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị sẽ bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;

Phấn đấu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;

Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| Ông Phạm Kim Lâm | - Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Phạm Văn Thư | - Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Thành Trung | - Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | - Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Lê Tuấn Hải | - Thành viên Hội đồng Quản trị |

- Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

| STT | Danh sách | Cổ phần sở hữu/đại diện | Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác |
|-----------|---|-------------------------|---|
| I | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành | | |
| 1. | Ông. Nguyễn Thành Trung | 49.917.569 | Trưởng Ban An toàn Tổng Công ty phát điện 2 (Đại diện 30% phần vốn nhà nước tại PPC) |
| 2. | Ông. Nguyễn Quang Quyền | | Giám đốc đầu tư Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE |
| 3. | Ông. Lê Tuấn Hải | | Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE |
| II | Thành viên Hội đồng quản trị khác | | |
| 1. | Ông. Phạm Kim Lâm | 105.840/66.556.758 | ĐD 40% phần vốn Nhà nước tại PPC |
| 2. | Ông. Phạm Văn Thư | 90.050/49.917.569 | ĐD 30% phần vốn NN tại PPC |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng giám Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty thông qua Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| Số TT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-------|--|-----------|---|
| 1 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 | 26/4/2016 | <ol style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Thông qua mức cổ tức, phân phối lợi nhuận năm 2015 và dự kiến cổ tức năm 2016. Thông qua mức lương Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2015 và Dự kiến năm 2016. Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán năm 2015: Trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, Công ty TNHHKPMG là đơn vị kiểm toán độc lập Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của đơn vị Thông qua bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2016-2021) |

| | | | |
|----|---------------------------|------------|--|
| | | | 7. Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty. |
| 2 | Quyết định số 694/QĐ- PPC | 04/2/2016 | Phê duyệt dự thảo Hợp đồng mua bán than năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam. |
| 3 | Quyết định số 695/QĐ- PPC | 04/2/2016 | Phê duyệt dự thảo Hợp đồng mua bán than năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Công ty kinh doanh than Bắc Lạng. |
| 4 | Nghị quyết Số 102/NQ-PPC | 01/3/2016 | Bổ nhiệm lại Cán bộ quản lý. |
| 5 | Nghị quyết Số 103/NQ-PPC | 08/03/2016 | Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. |
| 6 | Nghị quyết Số 104/NQ-PPC | 13/04/2016 | Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. |
| 7 | Nghị quyết Số 105/NQ-PPC | 26/4/2016 | Bầu Chủ tịch hội đồng quản trị; bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty. |
| 8 | Nghị quyết Số 106/NQ-PPC | 28/4/2016 | Trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2015. |
| 9 | Nghị quyết Số 107/NQ-PPC | 05/5/2016 | Thoái vốn của PPC tại NPS |
| 10 | Nghị quyết Số 108/NQ-PPC | 15/8/2016 | Phê duyệt KQLC danh sách đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu “ Cung cấp và lắp đặt bộ hâm nước lò hơi số 6 – KHSCL năm 2015” |
| 11 | Nghị quyết Số 109/NQ-PPC | 15/8/2016 | Phê duyệt KQLC danh sách đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu “ Trung tu Hệ thống UPS khối 5 – KHSCL năm 2014” |
| 12 | Nghị quyết Số 110/NQ-PPC | 31/8/2016 | Bổ nhiệm Lãnh đạo quản lý |
| 13 | Nghị quyết Số 111/NQ-PPC | 31/8/2016 | Phê duyệt KQLC danh sách đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu “VT-SCL 12: Cung cấp vật tư, thiết bị vòng chèn hơi, các tầng cánh trung gian, các đệm kim loại chốt Tuabin... cho sửa chữa lớn khối 5 – KHSCL năm 2016” |
| 14 | Nghị quyết Số 112/NQ-PPC | 05/9/2016 | Phê duyệt KQLC nhà thầu gói thầu “ Cung cấp và lắp đặt bộ hâm nước lò hơi số 6 – KHSCL năm 2015” |
| 15 | Nghị quyết Số 113/NQ-PPC | 05/9/2016 | Phê duyệt KQLC nhà thầu gói thầu “ Trung tu Hệ thống UPS khối 5 – KHSCL năm 2014” |
| 16 | Nghị quyết Số 114/NQ-PPC | 12/9/2016 | Phê duyệt KQLC nhà thầu gói thầu “VT-SCL 12: Cung cấp vật tư, thiết bị vòng chèn hơi, các tầng cánh trung gian, các đệm kim loại chốt Tuabin... cho sửa chữa lớn khối 5 – KHSCL năm 2016”. |
| 17 | Nghị quyết Số 115/ NQ-PPC | 07/12/2016 | Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng khoán tại VSD và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Qungr Ninh. |
| 18 | Nghị quyết Số 116/ NQ-PPC | 16/12/2016 | Tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt. |
| 19 | Nghị quyết Số 117/ NQ-PPC | 26/12/2016 | Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị |
| 20 | Nghị quyết Số 118/ NQ-PPC | 26/12/2016 | Phê duyệt chủ trương triển khai dự án “ Chuyển đổi sử dụng nhiên liệu phụ trợ từ dầu FO sang dầu DO Dây chuyền 1, Dây chuyền 2” |
| 21 | Quyết định số | 30/12/2016 | Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống khử lưu |

| | | | |
|----|----------------------------|------------|---|
| | 6878/QĐ- PPC | | huỳnh trong khói của Dây chuyền 1 |
| 22 | Quyết định số 6877/QĐ- PPC | 30/12/2016 | Dự án đầu tư Cải tạo nâng cấp hệ thống SOx và NOx cho Dây chuyền 2 |
| 23 | Nghị quyết Số 119/NQ-PPC | 23/01/2017 | Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị |
| 24 | Nghị quyết Số 120/NQ-PPC | 07/3/2017 | Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. |
| 25 | Nghị quyết Số 121/NQ-PPC | 31/3/2017 | Trả nợ trước hạn khoản vay lại EVN bằng đồng Yên nhật. |
| 26 | Nghị quyết Số 122/NQ-PPC | 14/4/2017 | Thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 03 thành viên độc lập là ông Nguyễn Thành Trung – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 2, Ông Nguyễn Quang Quyền và Ông Lê Tuấn Hải là người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

f) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khoá học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát: gồm 3 thành viên:

- 1- Ông Nguyễn Quang Huy - Trưởng Ban Kiểm soát.
- 2 - Ông Hồ Trung Thành - Thành viên Ban Kiểm soát.
- 3 - Bà Hồ Trần Diệu Lynh - Thành viên Ban Kiểm soát.

b) Các thành viên Ban Kiểm soát:

| STT | Danh sách | Cổ phần sở hữu | Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác |
|-----|----------------------|----------------|---|
| 1. | Ông Nguyễn Quang Huy | 4.500 | Trưởng ban kiểm soát |
| 2. | Ông Hồ Trung Thành | 0 | Phó trưởng ban tài chính của EVNGENCO2 |
| 3. | Bà Hồ Trần Diệu Lynh | 0 | Kế toán trưởng Công ty cổ phần cơ điện lạnh REE |

c) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị .

Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Tham gia xây dựng các quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2016:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; tiền thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2016 cụ thể như sau :

Đơn vị tính : đồng

| ST T | Họ và Tên | Chức danh | Tổng tiền lương/ thù lao thực lĩnh năm 2016 | Ghi chú |
|--|----------------------|-----------------|---|---------------------------------|
| I Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc | | | | |
| 1. | Phạm Kim Lâm | Chủ tịch HĐQT | 580.016.000 | |
| 2. | Phạm Văn Thư | Tổng Giám đốc | 554.502.000 | |
| II Tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS | | | | |
| 1. | Nguyễn Thành Trung | Thành viên HĐQT | 48.000.000 | |
| 2. | Nguyễn Quang Quyền | Thành viên HĐQT | 48.000.000 | |
| 3. | Lê Tuấn Hải | Thành viên HĐQT | 48.000.000 | |
| 4. | Nguyễn Quang Huy | Trưởng BKS | 295.047.000 | |
| 5. | Hồ Trung Thành | Thành viên BKS | 40.000.000 | |
| 6. | Hồ Trần Diệu Lynh | Thành viên BKS | 40.000.000 | |
| 7. | Trần Văn Dur | TV HĐQT | 24.000.000 | Miễn nhiệm ngày 26/4/2016 |
| 8. | Nguyễn Thị Mai Thanh | TV HĐQT | 24.000.000 | Miễn nhiệm ngày 26/4/2016 |
| 9. | Nguyễn Việt Hà | TV HĐQT | 24.000.000 | Miễn nhiệm ngày 26/4/2016 |
| 10. | Mai Xuân Tùng | Trưởng BKS | 22.000.000 | Miễn nhiệm ngày 26/4/2016 |
| 11. | Lưu Xuân Trang | TV BKS | 20.000.000 | Miễn nhiệm ngày 26/4/2016 |
| 12. | Trịnh Thị Tuyết | TV BKS | 20.000.000 | Miễn nhiệm ngày 26/4/2016 |
| Tổng cộng : | | | 1.787.565.000 | |

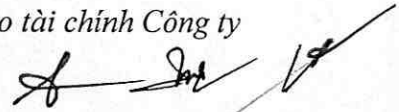
b) Giao dịch Cổ phiếu cổ đông nội bộ (Không)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm:

1. Ý kiến kiểm toán: (trang 31)
2. Toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán 2016 (trang 27 đến 86)

(Chi tiết quý cổ đông có thể xem báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính Công ty hợp nhất trên website <http://www.ppc.evn.vn>)



Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHCM;
- <http://www.ppc.evn.vn>
- Lưu VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Thư



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phà Lại
và công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

0403000380
0800296853

ngày 25 tháng 01 năm 2006
ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|---|
| Ông Phạm Kim Lâm | Chủ tịch |
| Ông Phạm Văn Thư | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thành Trung | Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016) |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016) |
| Ông Lê Tuấn Hải | Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016) |
| Ông Nguyễn Việt Hà | Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016) |
| Ông Trần Văn Dư | Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016) |
| Bà Nguyễn Thị Mai Thanh | Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Phạm Văn Thư | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Thủy | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Quyền | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |

Trụ sở đăng ký

Phường Phả Lại
Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Tỉnh Hải Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Huo Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited Branch in Ho Chi Minh City, a branch of KPMG Limited, a Swiss entity, is a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(b) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Nhóm Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện năm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 ("Nghị định 82") và phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ("Công văn 3003"), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 ("Công văn 2239"). Theo hướng dẫn của Nghị định 82, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc "Vốn chủ sở hữu", thay vì vào "Chi phí tài chính", và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi sẽ áp dụng theo Thông tư 200. Hướng dẫn của Nghị định 82 và Công văn 3003 có sự khác biệt so với quy định chung của Thông tư 200 hiện hành. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(b) của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng lưu ý đến Thuyết minh 23, Nhóm Công ty đang phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí tài chính trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo nguyên tắc cân đối chi phí với kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Nhóm Công ty do vậy giá trị khoản phân bổ vào chi phí phụ thuộc vào đánh giá của Ban Giám đốc Công ty.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|----------------------|-------------------|-------------------|
| TÀI SẢN | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | 6.184.310.259.386 | 5.972.618.212.272 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 5 | 785.549.135.022 | 713.868.733.230 |
| Tiền | 111 | 45.549.135.022 | 31.855.154.711 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | 740.000.000.000 | 682.013.578.519 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 2.110.000.000.000 | 2.394.351.965.073 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 6(a) | 2.110.000.000.000 | 2.394.351.965.073 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 2.727.398.781.161 | 2.199.610.838.721 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 7 | 1.680.985.037.181 | 1.466.792.190.207 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 2.165.489.951 | 5.386.204.582 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 8(a) | 1.053.800.000.000 | 735.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 1.449.051.149 | 415.127.287 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 137 9 | (11.000.797.120) | (7.982.683.355) |
| Hàng tồn kho | 140 10 | 556.677.442.588 | 660.122.495.795 |
| Hàng tồn kho | 141 | 730.232.376.736 | 841.308.740.312 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | (173.554.934.148) | (181.186.244.517) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 4.684.900.615 | 4.664.179.453 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 1.561.917.628 | 762.884.505 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 15(b) | 3.122.982.987 | 3.901.294.948 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã Thuyết số minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|----------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | 4.403.346.334.859 | 5.096.656.681.309 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 1.707.970.467.665 | 2.350.000.000.000 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 8(b) | 1.707.970.467.665 | 2.350.000.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | 361.687.279.018 | 425.271.993.431 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 11 | 361.217.836.562 | 420.545.620.530 |
| Nguyên giá | 222 | 13.465.612.687.070 | 13.460.011.147.034 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (13.104.394.850.508) | (13.039.465.526.504) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 12 | 469.442.456 | 4.726.372.901 |
| Nguyên giá | 228 | 58.779.299.156 | 58.779.299.156 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | (58.309.856.700) | (54.052.926.255) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 380.035.835.353 | 305.314.133.232 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 13 | 380.035.835.353 | 305.314.133.232 |
| Dầu tư tài chính dài hạn | 250 | 1.950.283.023.121 | 2.012.124.664.178 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 252 6(b) | 1.222.932.605.559 | 1.257.861.487.283 |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 253 6(b) | 1.087.136.197.991 | 1.087.136.197.991 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 6(b) | (359.785.780.429) | (446.949.002.346) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 6(a) | - | 114.075.981.250 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | 3.369.729.702 | 3.945.890.468 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 3.369.729.702 | 3.945.890.468 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | 10.587.656.594.245 | 11.069.274.893.581 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

7

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại (Thuyết minh 38) |
|---|----------------------|---------------------------|--|
| NGUỒN VỐN | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | 5.393.873.153.088 | 5.330.328.449.828 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 1.568.408.478.347 | 1.319.041.005.775 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 14 | 246.884.268.890 | 429.551.053.378 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 1.189.437.407 | 538.988.080 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 15(a) | 84.639.222.603 | 30.674.126.967 |
| Phải trả người lao động | 314 | 85.562.818.488 | 104.329.109.419 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 16 | 421.754.791.016 | 343.357.792.195 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 17 | 273.637.020.847 | 8.518.213.476 |
| Vay ngắn hạn | 320 18(a) | 381.929.971.543 | 348.807.603.594 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 19 | 72.810.947.553 | 53.264.118.666 |
| Nợ dài hạn | 330 | 3.825.464.674.741 | 4.011.287.444.053 |
| Vay dài hạn | 338 18(b) | 3.825.464.674.741 | 4.011.287.444.053 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | 5.193.783.441.157 | 5.738.946.443.753 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 20 | 5.193.783.441.157 | 5.738.946.443.753 |
| Vốn cổ phần | 411 21 | 3.262.350.000.000 | 3.262.350.000.000 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 160.144.544.191 | 157.128.522.365 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | (125.602.728.849) | (125.602.728.849) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 23 | (185.493.968.221) | (202.994.919.242) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 24 | 547.870.342.534 | 493.148.698.983 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 1.496.230.613.893 | 2.115.744.625.567 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | 947.660.861.490 | 1.555.093.846.682 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | 548.569.752.403 | 560.650.778.885 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | 38.284.637.609 | 39.172.244.929 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | 10.587.656.594.245 | 11.069.274.893.581 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Trần Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 26 | 5.977.372.622.068 | 7.664.947.910.231 |
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 11 | 27 | 5.473.565.932.854 | 6.701.331.013.762 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 503.806.689.214 | 963.616.896.469 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 28 | 411.092.288.442 | 343.393.024.407 |
| Chi phí tài chính | 22 | 29 | 253.671.669.059 | 733.022.458.924 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 125.453.049.787 | 120.228.756.089 |
| Phân lãi trong công ty liên kết | 24 | 6(b) | 64.435.167.255 | 114.675.674.354 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 30 | 108.134.688.150 | 103.650.929.242 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26) | 30 | | 617.527.787.702 | 585.012.207.064 |
| Thu nhập khác | 31 | | 2.712.377.907 | 20.508.923.132 |
| Chi phí khác | 32 | | 4.257.889.512 | 1.029.675.971 |
| Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (1.545.511.605) | 19.479.247.161 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 615.982.276.097 | 604.491.454.225 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 32 | 61.631.258.514 | 38.720.332.325 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 32 | - | - |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 554.351.017.583 | 565.771.121.900 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | 60 | | 554.351.017.583 | 565.771.121.900 |
| Phân bổ: | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 61 | | 548.569.752.403 | 560.650.778.885 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 5.781.265.180 | 5.120.343.015 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 33 | 1.724 | 1.762 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

10

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 2016 VND | 2015 VND |
|--|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 615.982.276.097 | 604.491.454.225 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao | 02 | 72.121.854.742 | 458.197.337.934 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (91.776.418.521) | 332.721.619.997 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 206.534.726.856 | 203.313.279.013 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (467.013.860.412) | (458.051.316.816) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 125.453.049.787 | 120.228.756.089 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 461.301.628.549 | 1.260.901.130.442 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | (536.870.751.844) | 719.558.758.792 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | 111.076.363.576 | 41.489.022.573 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | (106.608.998.806) | 394.778.338.898 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 631.415.482 | 117.016.686 |
| | | (70.470.343.043) | 2.416.844.267.391 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (126.742.692.610) | (120.607.420.109) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (12.059.951.724) | (185.072.382.597) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 1.240.766.916 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (43.807.916.113) | (37.004.916.254) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (253.080.903.490) | 2.075.400.315.347 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 2016 VND | 2015 VND |
|--|----------------------|--------------------------|----------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (83.314.097.166) | (294.290.301.559) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | - | 49.636.360 |
| Tiền chi cho các khoản cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | (2.397.970.467.665) | (2.715.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, công cụ nợ | 24 | 3.101.200.000.000 | 1.031.500.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay và cổ tức | 27 | 485.880.485.738 | 401.594.286.824 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 1.105.795.920.907 | (1.576.146.378.375) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 19.850.000.000 | - |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (2.250.000.000) | (332.616.810.965) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | (798.634.615.625) | (639.662.081.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (781.034.615.625) | (972.278.892.465) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 71.680.401.792 | (473.024.955.493) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 713.868.733.230 | 1.186.893.688.723 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 5 | 785.549.135.022 | 713.868.733.230 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Nhóm Công ty điện lực Việt Nam ("EVN") từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Nhóm Công ty điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") và lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

| Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Phần trăm vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|--|---|---|--|----------|
| | | | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
| Công ty con sở hữu trực tiếp | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc | Sửa chữa thường xuyên, đại tu các thiết bị về điện và kiểm nhiệt. | Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương | 50,00% | 50,00% |
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). | Xã Tam Hưng, Huyện Thới Nguyên, Thành phố Hải Phòng | 25,97% | 25,97% |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty có 2.049 nhân viên (1/1/2016: 2.132 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Nhóm Công ty điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015. Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trình bày trong các thuyết minh 3(b).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

14

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

15

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2016, chênh lệch tỷ giá hối đoái được Nhóm Công ty ghi nhận theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Nhóm Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/ND-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 ("Nghị định 82") và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ("Công văn 3003"), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 ("Công văn 2239"). Việc thay đổi chính sách kế toán này được điều chỉnh lại cho số liệu so sánh, ảnh hưởng lên báo cáo tài chính được trình bày tại Thuyết minh 38.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn của Nghị định 82, các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200 mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần lãi trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm một khoản là 9.616.410.734 VND (2015: phần lãi trong công ty liên kết và lợi nhuận trước thuế sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 81.539.421.597 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm 92.216.902.535 VND (1/1/2016: 101.833.313.269 VND).

16

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc "Vốn chủ sở hữu", thay vì vào "Chi phí tài chính", và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo quy định chung của Thông tư 200.

Nhóm Công ty đã ghi nhận một phần lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc "Vốn chủ sở hữu", thay vì vào "Chi phí tài chính". Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần lãi trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm một khoản là 7.884.540.287 VND, số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm 93.277.065.686 VND (1/1/2016: 101.161.605.973 VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa | 10 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 10 năm |
| ▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 – 30 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 10 năm |
| ▪ tài sản khác | 3 – 10 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phú Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Nhóm Công ty Điện Lực Việt Nam.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

21

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân sát theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp băng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng đo vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 8.491.129 | 11.313.454 |
| Tiền gửi ngân hàng | 45.540.643.893 | 31.843.841.257 |
| Các khoản tương đương tiền | 740.000.000.000 | 682.013.578.519 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 785.549.135.022 | 713.868.733.230 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phà Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/IN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 2.110.000.000.000 | 2.380.000.000.000 |
| ▪ Các khoản đầu tư khác (*) | (*) | 14.351.965.073 |
| | 2.110.000.000.000 | 2.394.351.965.073 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn | | |
| ▪ Trái phiếu (*) | (*) | - 114.075.981.250 |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư khác với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu với thời gian đáo hạn còn lại trên mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo và đã được thanh lý trong năm 2016.

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/MIN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn đơn vị khác

| | Địa chỉ (Thành phố) | Số lượng cổ phần | % | sở hữu | % quyền biểu quyết | 31/12/2016 | | Giá trị hợp lý VND |
|--|------------------------|---------------------|--------|--------|--------------------------|--------------------------|-----------------|-----------------------|
| | | | | | | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND | |
| Đầu tư góp vốn vào: | | | | | | | | |
| ▪ Công ty liên kết | | | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | Hải Phòng | 129.850.000 | 25,97% | 25,97% | 1.222.932.605.559 | - | (*) | |
| ▪ Đơn vị khác | | | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | Quảng Ninh | 73.587.291 | 16,35% | 16,35% | 817.295.117.400 | (321.039.699.838) | (*) | |
| ▪ Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | Đà Nẵng | 7.080.000 | 19,30% | 19,30% | 70.800.000.000 | - | (*) | |
| ▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn | Buôn Mê Thuột | 10.552.000 | 15,00% | 15,00% | 50.250.000.000 | - | (*) | |
| ▪ Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam | Hà Nội | 5.025.000 | 10,61% | 10,61% | 100.000.000.000 | - | (*) | |
| ▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa | Vũng Tàu | 670.000 | 1,00% | 1,00% | 46.498.000.000 | (37.453.000.000) | 9.045.000.000 | |
| ▪ Công ty khác | | | | | 2.293.080.591 | (1.293.080.591) | (*) | |
| | | | | | 1.087.136.197.991 | (359.785.780.429) | (*) | |
| | | | | | 2.310.068.803.550 | (359.785.780.429) | (*) | |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phú Lợi và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2016

| | Địa chỉ (Thành phố) | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
|---|------------------------|-------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đầu tư góp vốn vào: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty liên kết <ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng ▪ Đơn vị khác <ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh • Công ty Cổ phần EVN Quốc tế • Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn • Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam • Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa • Công ty khác | Hải Phòng | 129.850.000 | 25,97% | 25,97% | 1.257.861.487.283 | - | (*) |
| | Quảng Ninh Đà Nẵng | 73.587.291 7.080.000 | 16,35% 19,30% | 16,35% 19,30% | 817.295.117.400 70.800.000.000 | (406.527.921.755) - | (*) (*) |
| | Buôn Mê Thuột | 10.352.000 | 15,00% | 15,00% | 50.250.000.000 | - | (*) |
| | Hà Nội | 5.025.000 | 10,61% | 10,61% | 100.000.000.000 | - | (*) |
| | Vũng Tàu | 670.000 | 1,00% | 1,00% | 46.498.000.000 2.293.080.591 | (39.128.000.000) (1.293.080.591) | 7.370.000.000 (*) |
| | | | | | 1.087.136.197.991 | (446.949.002.346) | (*) |
| | | | | | 2.344.997.685.274 | (446.949.002.346) | (*) |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trong năm như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.257.861.487.283 | 1.311.576.705.526 |
| Lãi từ đầu tư vào công ty liên kết | 64.435.167.255 | 114.675.674.354 |
| Cổ tức nhận được | (116.865.000.000) | (77.910.000.000) |
| Công ty liên kết phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản các năm trước vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm | 9.616.410.734 | - |
| Công ty liên kết phân bổ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 | 7.884.540.287 | - |
| Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán - chênh lệch tỷ giá | - | (81.539.421.597) |
| Giảm khác | - | (8.941.471.000) |
| Số dư cuối năm | 1.222.932.605.559 | 1.257.861.487.283 |

Biến động dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 446.949.002.346 | 121.984.852.637 |
| Dự phòng lập trong năm | 9.559.149.665 | 324.964.149.709 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (96.722.371.582) | - |
| Số dư cuối năm | 359.785.780.429 | 446.949.002.346 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phú Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Công ty Mua bán điện | 1.474.727.642.218 | 1.293.207.995.747 |
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (*) | 3.021.304.520 | 3.021.304.520 |
| Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (**) | 134.736.992.851 | 92.225.678.082 |
| Các khách hàng khác | 68.499.097.592 | 78.337.211.858 |
| | 1.680.985.037.181 | 1.466.792.190.207 |

(*) Khoản phải thu liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư và lãi từ khoản vốn ủy thác đầu tư của Nhóm Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt theo hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFCM-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014.

(**) Khoản phải thu liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015, theo đó khoản dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận vào phải thu của khách hàng.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Công ty liên kết | | |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | 73.651.294.048 | 43.599.380.217 |
| Bên liên quan khác | | |
| Công ty Mua bán điện | 1.474.727.642.218 | 1.293.207.995.747 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | 2.264.975.922 | 12.532.916.110 |
| Tổng Công ty phát điện 1 – Công ty TNHH Một Thành Viên | 4.969.466.324 | 15.666.213.084 |

Các khoản phải thu thương mại từ công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

30

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B-09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 1/1/2016 | | Biến động trong năm | | 31/12/2016 | |
|---|------------------------|--------------------------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Tăng VND | Chuyển thành khoản cho vay dài hạn VND | Thu hồi VND | Giá trị ghi sổ VND | Thu hồi VND |
| Các khoản cho vay ngắn hạn | 735.000.000.000 | 427.970.467.665 | (946.770.467.665) | (216.200.000.000) | - | - |
| Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu | - | 1.053.800.000.000 | - | - | 1.053.800.000.000 | - |
| | 735.000.000.000 | 1.481.770.467.665 | (946.770.467.665) | (216.200.000.000) | 1.053.800.000.000 | 1.053.800.000.000 |

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản phải thu về cho vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên ("Geneco 2"), công ty mẹ, theo hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHDV/PHAL-AI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Các khoản phải thu về cho vay này được bảo lãnh bằng cổ phần của Công ty sơ hữu bởi Geneco 2 có mệnh giá 860 tỷ VND (1/1/2016: 339 tỷ VND). Trong năm, khoản cho vay 947 tỷ VND đã được gia hạn thêm một năm kể từ ngày cho vay và theo đó được phân loại lại từ phải thu về cho vay ngắn hạn thành phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 8(b)).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B-09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| (b) Phải thu về cho vay dài hạn | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Cho vay dài hạn | 2.761.770.467.665 | 2.350.000.000.000 |
| Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng | (1.053.800.000.000) | - |
| Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng | 1.707.970.467.665 | 2.350.000.000.000 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|-----------|---------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| VND | 6,50% - 6,87% | 2017 - 2018 | 946.770.467.665 | - |
| VND | 9,00% | 2025 | 315.000.000.000 | 350.000.000.000 |
| VND | 7,76% | 2019 | 1.500.000.000.000 | 2.000.000.000.000 |
| | | | 2.761.770.467.665 | 2.350.000.000.000 |

(*) Các khoản cho vay phải thu dài hạn này không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

| | 31/12/2016 | | | 1/1/2016 | | | | |
|---|--------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------------|
| | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn | | | | | | | | |
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt | trên 1 năm | 17.373.269.593 | (10.197.287.056) | 7.175.982.537 | trên 180 ngày | 17.373.269.593 | (7.326.894.041) | 10.046.375.552 |
| Khác | trên 1 năm | 1.148.719.208 | (803.510.064) | 345.209.144 | trên 180 ngày | 1.148.719.208 | (655.789.314) | 492.929.894 |
| | | <u>18.521.988.801</u> | <u>(11.000.797.120)</u> | <u>7.521.191.681</u> | | <u>18.521.988.801</u> | <u>(7.982.683.355)</u> | <u>10.539.305.446</u> |
| Trong đó: | | | | | | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn | | | <u>(11.000.797.120)</u> | | | | <u>(7.982.683.355)</u> | |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 722.889.123.316 | (173.554.934.148) | 832.548.304.142 | (181.186.244.517) |
| Công cụ và dụng cụ | 7.289.235.579 | - | 7.575.698.287 | - |
| Dịch vụ dở dang | 54.017.841 | - | 26.759.541 | - |
| Thành phẩm | - | - | 1.157.978.342 | - |
| | 730.232.376.736 | (173.554.934.148) | 841.308.740.312 | (181.186.244.517) |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị quản lý VND | Tài sản khác VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------------------|---|----------------------------|------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.716.694.372.098 | 11.610.668.700.024 | 87.728.753.681 | 42.168.195.991 | 2.751.035.240 | 13.460.011.147.034 |
| Tăng trong năm | - | 601.200.000 | 4.671.431.274 | 614.340.910 | - | 5.886.972.184 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 2.351.053.065 | 77.478.710 | - | 221.636.370 | - | 2.650.168.145 |
| Thanh lý | - | - | (2.861.727.436) | (73.872.857) | - | (2.935.600.293) |
| Số dư cuối năm | 1.719.045.425.163 | 11.611.347.468.734 | 89.538.457.519 | 42.930.300.414 | 2.751.035.240 | 13.465.612.687.070 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.385.640.986.978 | 11.539.510.425.140 | 71.740.388.306 | 40.053.236.930 | 2.520.489.150 | 13.039.465.526.504 |
| Khấu hao trong năm | 32.401.665.703 | 30.175.676.554 | 4.018.363.734 | 1.131.789.285 | 137.429.021 | 67.864.934.297 |
| Thanh lý | - | - | (2.861.727.436) | (73.872.857) | - | (2.935.600.293) |
| Số dư cuối năm | 1.418.042.652.681 | 11.569.686.101.694 | 72.897.024.604 | 41.111.153.358 | 2.657.918.171 | 13.104.394.850.508 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 331.053.385.120 | 71.158.364.884 | 15.988.365.375 | 2.114.959.061 | 230.546.090 | 420.545.620.530 |
| Số dư cuối năm | 301.002.772.482 | 41.661.367.040 | 16.641.432.915 | 1.819.147.056 | 93.117.069 | 361.217.836.562 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 12.456 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 8.998 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tổng VND |
|---------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 57.414.901.632 | 1.364.397.524 | 58.779.299.156 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 53.488.693.851 | 564.232.404 | 54.052.926.255 |
| Khấu hao trong năm | 3.926.207.781 | 330.722.664 | 4.256.930.445 |
| Số dư cuối năm | 57.414.901.632 | 894.955.068 | 58.309.856.700 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 3.926.207.781 | 800.165.120 | 4.726.372.901 |
| Số dư cuối năm | - | 469.442.456 | 469.442.456 |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản cố nguyên giá 0,3 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 0,3 tỷ VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 305.314.133.232 | 241.597.640.218 |
| Tăng trong năm | 77.636.084.327 | 78.443.404.888 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (2.650.168.145) | (13.734.743.874) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | - | (992.168.000) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (55.254.716) | - |
| Giảm khác | (208.959.345) | - |
| | 380.035.835.353 | 305.314.133.232 |
| Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau: | | |
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 374.294.010.447 | 304.939.840.134 |
| Xây dựng cơ bản khác | 5.741.824.906 | 374.293.098 |
| | 380.035.835.353 | 305.314.133.232 |

36

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|--|----------------------------------|-----------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam | - | 86.461.040.881 |
| Viện nghiên cứu cơ khí | 55.036.990.237 | 887.568.880 |
| Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL | 45.974.033.785 | 3.661.791.770 |
| Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng | 20.928.960.240 | 90.059.094.931 |
| Công ty kinh doanh than Bắc Lạng | 13.084.943.681 | 84.160.576.569 |
| Các nhà cung cấp khác | 111.859.340.947 | 164.320.980.347 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 246.884.268.890 | 429.551.053.378 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

| | 31/12/2016 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | Số đã cân trừ trong năm VND | 31/12/2016 VND |
|----------------------------|-------------------|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 18.031.672.191 | 598.368.860.245 | (89.649.759.257) | (504.707.124.572) | 22.043.648.607 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.862.041.486 | 61.631.258.514 | (12.059.951.724) | - | 59.433.348.276 |
| Thuế tài nguyên | 2.540.178.090 | 35.508.252.375 | (35.130.656.745) | - | 2.917.773.720 |
| Thuế nhà đất | - | 17.086.015.449 | (17.259.509.588) | 173.494.109 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 5.201.336.305 | (4.249.530.235) | (951.806.070) | - |
| Các loại thuế khác | 240.235.200 | 996.802.458 | (992.585.658) | - | 244.452.000 |
| | 30.674.126.967 | 718.792.525.346 | (159.341.993.177) | (505.485.436.533) | 84.639.222.603 |

(b) Thuế phải thu Nhà nước

| | 31/12/2016 VND | Số đã cân trừ trong năm VND | 31/12/2016 VND |
|-----------------------|-------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Thuế nhà đất | - | 173.494.109 | 173.494.109 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.901.294.948 | (951.806.070) | 2.949.488.878 |
| | 3.901.294.948 | (778.311.961) | 3.122.982.987 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí sửa chữa lớn | 385.072.723.139 | 304.939.840.134 |
| Chi phí lãi vay | 32.392.091.400 | 33.681.734.223 |
| Các khoản khác | 4.289.976.477 | 4.736.217.838 |
| | <u>421.754.791.016</u> | <u>343.357.792.195</u> |

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 256.663.676.201 | 1.638.065.626 |
| Bảo hiểm xã hội | 8.477.644.345 | 829.494.363 |
| Kinh phí công đoàn | 1.388.373.754 | 608.824.439 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 566.997.862 | 59.713.571 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 66.011.224 | 31.485.558 |
| Bảo hiểm y tế | 1.288.000.000 | - |
| Chi phí khác | 5.186.317.461 | 5.350.629.919 |
| | <u>273.637.020.847</u> | <u>8.518.213.476</u> |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phú Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2016 | | Biến động trong năm | | 31/12/2016 | |
|---|---|-------------------|---------------------|--------------------------------|---|-----------------|
| | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | Giảm VND | Tăng VND | Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | |
| Vay ngắn hạn | | | 19.850.000.000 | (2.250.000.000) | - | 17.600.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b)) | 348.807.603.594 | (377.039.369.869) | 381.476.986.443 | 11.084.751.375 | | 364.329.971.543 |
| | 348.807.603.594 | (379.289.369.869) | 401.326.986.443 | 11.084.751.375 | | 381.929.971.543 |

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|--------------|----------------|--------------|
| Khoản vay không có đảm bảo từ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - chi nhánh Hải Dương | 6,5% | 17.600.000.000 | - |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn | 4.189.794.646.284 | 4.360.095.047.647 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a)) | (364.329.971.543) | (348.807.603.594) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 3.825.464.674.741 | 4.011.287.444.053 |

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|--------------------------------------|------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| | | | | VND | VND |
| Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất | JPY | 2% - 2,5% | 2028 | 4.189.794.646.284 | 4.360.095.047.647 |

Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, được thực hiện theo hợp đồng vay lại số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản ("JBIC") để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Lãi suất cho vay từ 2% năm đến 2,5% năm và phí vay lại được tính bằng 0,2% năm trên số dư nợ thực tế. Gốc vay được thanh toán trong vòng 22 năm 6 tháng bắt đầu từ năm 2006. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2016 | 2015 |
|--------------------------------------|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 53.264.118.666 | 22.098.366.920 |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 20) | 63.354.745.000 | 66.770.668.000 |
| Sử dụng trong năm | (43.807.916.113) | (35.604.916.254) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 72.810.947.553 | 53.264.118.666 |

41

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng VND |
|---|--------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---|---|-------------------|
| | Đã điều chỉnh lại | | | | | | | |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - đã báo cáo trước đây | 3.262.350.000,000 | 157.128.522.365 | (125.602.728.849) | - | 481.135.503.956 | 1.899.344.385.864 | 41.606.735.914 | 5.715.962.419.250 |
| Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán (Thuyết minh 38) | - | - | - | (121.455.497.645) | - | 121.455.497.645 | - | - |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - Đã điều chỉnh lại | 3.262.350.000,000 | 157.128.522.365 | (125.602.728.849) | (121.455.497.645) | 481.135.503.956 | 2.020.799.883.509 | 41.606.735.914 | 5.715.962.419.250 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 560.650.778.885 | 5.120.343.015 | 565.771.121.900 |
| Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán - chênh lệch tỷ giá tại công ty liên kết | - | - | - | (81.539.421.597) | - | - | - | (81.539.421.597) |
| Phân bổ vào các quỹ | - | - | - | - | 12.013.195.027 | (12.013.195.027) | - | - |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) | - | - | - | - | - | (62.965.834.000) | (3.804.834.000) | (66.770.668.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | - | - | - | (381.785.536.800) | (3.750.000.000) | (385.535.536.800) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | (8.941.471.000) | - | (8.941.471.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 - Đã điều chỉnh lại | 3.262.350.000,000 | 157.128.522.365 | (125.602.728.849) | (202.994.919.242) | 493.148.698.983 | 2.115.744.625.567 | 39.172.244.929 | 5.738.946.443.753 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phú Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng VND |
|--|--------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---|---|---------------------|
| | | | | Đã điều chỉnh lại | | Đã điều chỉnh lại | | |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 | 3.262.350.000.000 | 157.128.522.565 | (125.602.728.849) | (202.994.919.242) | 493.148.698.983 | 2.115.244.625.507 | 39.172.244.929 | 5.238.046.443.753 |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 - đã điều chỉnh lại | | | | | | | | |
| Loại trừ: thu nhập trong niên | | | | | | 548.569.752.403 | 5.781.265.180 | 554.351.017.583 |
| Tài sản hình thành từ các quỹ | | 3.016.021.826 | | | (3.016.021.826) | | | |
| Chênh lệch tỷ giá tại công ty liên kết | | | | 17.500.951.021 | | | | 17.500.951.021 |
| Phần bỏ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) | | | | | 57.737.665.377 | (57.737.665.377) | | |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | | | | | | (60.435.872.500) | (2.918.872.500) | (63.354.745.000) |
| | | | | | | (1.049.910.226.200) | (3.750.000.000) | (1.053.660.226.200) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 3.262.350.000.000 | 160.144.544.191 | (125.602.728.849) | (183.493.968.221) | 547.870.342.534 | 1.496.230.613.893 | 38.284.637.609 | 5.193.783.441.157 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 326.235.000 | 3.262.350.000.000 | 326.235.000 | 3.262.350.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 8.080.386 | 125.602.728.849 | 8.080.386 | 125.602.728.849 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 318.154.614 | 3.136.747.271.151 | 318.154.614 | 3.136.747.271.151 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 795 tỷ VND tương đương 2.500 VND trên một cổ phiếu (2015: 382 tỷ VND tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu). Và tại cuộc họp ngày 16 tháng 12 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức 255 tỷ tương đương 800 VND trên một cổ phiếu. (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

| | 2016 VND Đã điều chỉnh lại |
|---|----------------------------------|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đầu năm | 202.994.919.242 |
| Trong đó: | |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 | 101.833.313.269 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm | 101.161.605.973 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (*) | (17.500.951.021) |
| Trong đó: | |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 | (9.616.410.734) |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm | (7.884.540.287) |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá tại cuối năm | 185.493.968.221 |
| Trong đó: | |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 | 92.216.902.535 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm | 93.277.065.686 |

(*) Nhóm Công ty đang phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí tài chính trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo nguyên tắc cân đối chi phí với kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Nhóm Công ty do vậy giá trị khoản phân bổ vào chi phí phụ thuộc vào đánh giá của Ban Giám đốc Công ty.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 13.914.778.000 | 13.914.778.000 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 55.659.112.000 | 55.659.112.000 |
| Sau năm năm | 482.378.970.667 | 496.293.748.667 |
| | 551.952.860.667 | 565.867.638.667 |

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu bán điện | 5.844.305.898.985 | 7.528.551.923.425 |
| Doanh thu bán xỉ và phế liệu | 21.534.853.587 | 27.869.318.035 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 111.531.869.496 | 108.526.668.771 |
| | 5.977.372.622.068 | 7.664.947.910.231 |

27. Giá vốn hàng bán

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí nhiên liệu, phụ liệu | 4.560.843.353.923 | 5.567.582.778.771 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 320.802.341.872 | 169.518.899.614 |
| Chi phí nhân công | 207.625.041.729 | 230.534.779.736 |
| Chi phí bảo trì | 155.037.886.361 | 156.695.034.515 |
| Chi phí khấu hao | 56.617.942.424 | 439.280.044.577 |
| Chi phí điện mua ngoài | 35.794.551.009 | 16.516.661.064 |
| Chi phí khác | 136.844.815.536 | 121.202.815.485 |
| | 5.473.565.932.854 | 6.701.331.013.762 |

46

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi, cho vay và hoạt động đầu tư tài chính khác | 397.293.868.407 | 334.884.274.407 |
| Cổ tức được chia | 9.360.806.000 | 8.508.750.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 4.437.614.035 | - |
| | <hr/> 411.092.288.442 | <hr/> 343.393.024.407 |

29. Chi phí tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 125.453.049.787 | 120.228.756.089 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 4.641.855.685 | 80.285.535.932 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại | 206.534.726.856 | 203.313.279.013 |
| Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 4.075.981.250 | - |
| Chi phí tài chính khác | (87.163.221.917) | 324.964.149.709 |
| | 129.277.398 | 4.230.738.181 |
| | <hr/> 253.671.669.059 | <hr/> 733.022.458.924 |

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2016 VND | 2015 VND |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân công | 58.260.768.019 | 51.926.999.169 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 6.252.430.623 | 6.437.644.536 |
| Chi phí khấu hao | 6.567.006.491 | 9.855.004.712 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 3.018.113.765 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.069.424.988 | 6.865.409.360 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 4.899.770.541 | 4.442.724.622 |
| Chi phí khác | 22.067.173.723 | 24.123.146.843 |
| | <hr/> 108.134.688.150 | <hr/> 103.650.929.242 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phà Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 4.646.462.725.124 | 5.567.582.778.771 |
| Chi phí nhân công | 265.885.809.748 | 282.461.778.905 |
| Chi phí khấu hao | 72.121.854.742 | 458.197.337.934 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 115.890.561.217 | 96.304.497.897 |
| Chi phí sửa chữa lớn | 320.802.341.872 | 169.518.899.614 |
| Chi phí khác | 160.537.328.301 | 230.916.649.883 |

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 61.149.870.988 | 38.366.363.835 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 481.387.526 | 353.968.490 |
| Chi phí thuế thu nhập | 61.631.258.514 | 38.720.332.325 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 615.982.276.097 | 604.491.454.225 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 92.397.341.415 | 90.673.718.134 |
| Ưu đãi thuế | (28.650.253.765) | (35.327.477.626) |
| Thu nhập không bị tính thuế | (1.404.120.900) | (1.276.312.500) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác và thu nhập của công ty con | (1.540.370.783) | (16.138.067.144) |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 347.275.021 | 434.502.971 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 481.387.526 | 353.968.490 |
| | 61.631.258.514 | 38.720.332.325 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 5 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2016). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư đủ có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2015: 22%).

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc, công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà Nước thuế thu nhập bằng mức thuế suất 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 548.569.752.403 | 560.650.778.885 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 548.569.752.403 | 560.650.778.885 |

(*) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 318.154.614 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

| | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng | (i) | 45.540.643.893 | 31.843.841.257 |
| Các khoản tương đương tiền | (i) | 740.000.000.000 | 682.013.578.519 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần | (ii) | 1.669.984.240.061 | 1.458.809.506.852 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | (ii) | - | 735.000.000.000 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | (ii) | 2.761.770.467.665 | 2.350.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | (ii) | 1.449.051.149 | 415.127.287 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | (iii) | 2.110.000.000.000 | 2.394.351.965.073 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn | (iii) | - | 114.075.981.250 |
| | | 7.328.744.402.768 | 7.766.510.000.238 |

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn khác

Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn, phải thu ngắn hạn khác của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu liên quan, cổ tức phải thu và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu từ các bên liên quan và cổ tức phải thu được xem là tương đối nhỏ do lịch sử thu hồi các khoản phải thu của Nhóm Công ty nằm trong giới hạn thời gian có thể chấp nhận được. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Nhóm Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức tổn thất ước tính phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Nhóm Công ty tin rằng, ngoại số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016.

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|------------------------------|----------------|---------------|
| Số dư đầu năm | 7.982.683.355 | 3.593.310.271 |
| Tăng dự phòng trong năm | 3.018.113.765 | 4.496.937.283 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | - | (107.564.199) |
| Số dư cuối năm | 11.000.797.120 | 7.982.683.355 |

(iii) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn

Nhóm Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu phát hành bởi tổ chức tín dụng có uy tín. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và trái phiếu này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng và bên liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

| Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | Giá trị ghi số VND | Đông tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND | 1 - 2 năm | | 2 - 5 năm | | Trên 5 năm VND |
|--------------------------------|-------------------------------|--|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|-----|-------------------|
| | | | | VND | VND | VND | VND | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 246.884.268.890 | 246.884.268.890 | 246.884.268.890 | - | - | - | - | - |
| Phải trả người lao động | 85.562.818.488 | 85.562.818.488 | 85.562.818.488 | - | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 421.754.791.016 | 421.754.791.016 | 421.754.791.016 | - | - | - | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 273.637.020.847 | 273.637.020.847 | 273.637.020.847 | - | - | - | - | - |
| Vay ngắn hạn | 17.600.000.000 | 18.093.783.333 | 18.093.783.333 | - | - | - | - | - |
| Vay dài hạn | 4.189.794.646.284 | 4.846.039.449.283 | 496.390.474.827 | 461.592.408.641 | 1.325.168.288.831 | 2.562.888.276.984 | - | - |
| | 5.235.233.545.325 | 5.891.972.131.857 | 1.542.323.157.401 | 461.592.408.641 | 1.325.168.288.831 | 2.562.888.276.984 | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2016 | Giá trị ghi số VND | Đông tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND | 1 - 2 năm VND | 2 - 5 năm VND | Trên 5 năm VND | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 429.551.053.378 | 429.551.053.378 | 429.551.053.378 | - | - | - | - | - |
| Phải trả người lao động | 104.329.109.419 | 104.329.109.419 | 104.329.109.419 | - | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 343.357.792.195 | 343.357.792.195 | 343.357.792.195 | - | - | - | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 8.518.213.476 | 8.518.213.476 | 8.518.213.476 | - | - | - | - | - |
| Vay dài hạn | 4.360.095.047.647 | 5.102.989.842.373 | 487.183.940.323 | 451.474.761.884 | 1.297.355.001.575 | 2.866.976.138.591 | - | - |
| | 5.245.851.216.115 | 5.988.746.010.841 | 1.572.940.108.791 | 451.474.761.884 | 1.297.355.001.575 | 2.866.976.138.591 | | |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch gửi tiền, mua dịch vụ và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty, là Việt Nam đồng ("VND"). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là đồng Yên Nhật ("JPY").

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

| | 31/12/2016 JPY | 1/1/2016 JPY |
|-------------|-------------------|-----------------|
| Vay dài hạn | 21.352.536.152 | 23.209.278.426 |

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm Công ty áp dụng:

| | Tỷ giá tại ngày | |
|-------|-------------------|-----------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| 1 JPY | 196 | 188 |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

| | Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN VND |
|---|--|
| 31/12/2016 JPY (mạnh thêm 4%) | (133.923.106.745) |
| 1/1/2016 JPY (mạnh thêm 3%) | (102.102.257.652) |

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm Công ty như sau:

| | Giá trị ghi sổ | |
|--|----------------------------|----------------------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Các công cụ tài chính có lãi suất cố định | | |
| ▪ Các khoản tương đương tiền | 740.000.000.000 | 682.013.578.519 |
| ▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | 2.110.000.000.000 | 2.394.351.965.073 |
| ▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn | - | 114.075.981.250 |
| ▪ Vay dài hạn | (4.189.794.646.284) | (4.360.095.047.647) |
| | <u>(1.339.794.646.284)</u> | <u>(1.169.653.522.805)</u> |
| Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi | | |
| ▪ Tiền gửi ngân hàng | 45.540.643.893 | 31.843.841.257 |
| ▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn | - | 735.000.000.000 |
| ▪ Phải thu về cho vay dài hạn | 2.761.770.467.665 | 2.350.000.000.000 |
| ▪ Vay ngắn hạn | (17.600.000.000) | - |
| | <u>2.789.711.111.558</u> | <u>3.116.843.841.257</u> |

55

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 22 tỷ VND lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty (2015: 24 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) **Giá trị hợp lý**

(i) **Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

| | Giá trị ghi sổ | |
|--|----------------------------|----------------------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Tài sản tài chính | | |
| <i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i> | | |
| ▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (*) | 785.549.135.022 | 713.868.733.230 |
| ▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (*) | 2.110.000.000.000 | 2.394.351.965.073 |
| ▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (*) | - | 114.075.981.250 |
| ▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần (*) | 1.669.984.240.061 | 1.458.809.506.852 |
| ▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn (*) | - | 735.000.000.000 |
| ▪ Phải thu về cho vay dài hạn (*) | 2.761.770.467.665 | 2.350.000.000.000 |
| ▪ Phải thu ngắn hạn khác (*) | 1.449.051.149 | 415.127.287 |
| ▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*) | 1.087.136.197.991 | 1.087.136.197.991 |
| | 8.415.889.091.888 | 7.766.521.313.692 |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i> | | |
| ▪ Phải trả người bán ngắn hạn (*) | (246.884.268.890) | (429.551.053.378) |
| ▪ Phải trả người lao động (*) | (85.562.818.488) | (104.329.109.419) |
| ▪ Chi phí phải trả ngắn hạn (*) | (421.754.791.016) | (343.357.792.195) |
| ▪ Phải trả ngắn hạn khác (*) | (273.637.020.847) | (8.518.213.476) |
| ▪ Vay ngắn hạn (*) | (17.600.000.000) | - |
| ▪ Vay dài hạn (*) | (4.189.794.646.284) | (4.360.095.047.647) |
| | (5.235.233.545.525) | (5.245.851.216.115) |

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|-------------------|
| | 2016 VND | 2015 VND |
| Công ty mẹ cấp cao nhất | | |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | | |
| Trả gốc vay | 376.835.128.219 | 329.571.753.635 |
| Chi phí lãi vay | 125.359.277.566 | 120.228.756.089 |
| Thu nhập lãi cho vay | 142.187.222.222 | 191.851.388.889 |
| Thu hồi khoản cho vay | 535.000.000.000 | - |
| Mua điện | 32.581.311.956 | - |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên | | |
| Cho vay | 427.970.467.665 | 735.000.000.000 |
| Thu nhập lãi cho vay | 68.074.733.450 | 17.988.749.999 |
| Chịu cổ tức | 549.093.256.800 | 199.670.275.200 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty Mua bán điện | | |
| Doanh thu bán điện | 5.843.015.018.884 | 7.527.230.631.930 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn | | |
| Cổ tức được chia | - | 2.512.500.000 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | | |
| Cổ tức được chia | 116.865.000.000 | 77.910.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa | | |
| Cổ tức được chia | 670.000.000 | 670.000.000 |

57

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|---------------|
| | 2016 VND | 2015 VND |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam Cổ tức được chia | - | 5.176.250.000 |
| Nhân sự quản lý chủ chốt – Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | 2.343.831.000 | 2.109.480.000 |

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|-----------------|-------------|
| Cần trừ phần nợ gốc vay với khoản phải thu tiền điện từ Công ty Mua bán điện | 376.835.128.219 | - |
| Chuyển khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sang khoản phải thu của khách hàng | 14.351.965.073 | - |
| Chuyển khoản cho vay ngắn hạn thành khoản cho vay dài hạn | 946.770.467.665 | - |

37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 107/NQ-PPC ngày 5 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại đã phê duyệt việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc vào ngày 27 tháng 2 năm 2017.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(b)(i), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 Nhóm Công ty thay đổi chính sách kế toán và áp dụng Nghị định 82 và Công văn 3003. Việc thay đổi chính sách kế toán được điều chỉnh lại số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

| | Mã số | 1/1/2016 (điều chỉnh lại) VND | 1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND |
|-----------------------------------|-------|-------------------------------------|---|
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | (202.994.919.242) | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 2.115.744.625.567 | 1.912.749.706.325 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phan Văn Thur
Tổng Giám đốc